

# ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ

**Môn: Cơ sở văn hóa Việt Nam**

## **\*\*\*CÓ MỤC LỤC\*\*\***

1.	Khái niệm văn hóa .....	1
2.	Phân biệt văn hóa, văn hiến, văn minh, văn vật .....	1
3.	Mối quan hệ chủ thể - khách thể giữa con người và văn hóa .....	3
4.	Văn hóa hóa bản năng.....	3
5.	Mối quan hệ MT tự nhiên – văn hóa .....	4
6.	Gia đình.....	6
7.	Làng xã.....	7
8.	Tiếp xúc và giao lưu văn hóa.....	8
9.	Giao lưu văn hóa Việt – Trung .....	9
10.	Giao lưu văn hóa Việt – Pháp.....	11
11.	Phật giáo.....	12
12.	Nho giáo .....	17
13.	Tín ngưỡng phồn thực.....	19
14.	Tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng.....	21
15.	Đặc trưng của lễ hội ở VN.....	22

## 1. Khái niệm văn hóa

- Có rất nhiều quan niệm khác nhau về văn hóa.
  - Theo GS **Trần Ngọc Thêm**: “Văn hóa là 1 *hệ thống* hữu cơ các *giá trị vật chất và tinh thần* do con người *sáng tạo* và *tích lũy* qua quá trình hoạt động thực tiễn trong sự *tương tác* giữa con người với Môi trường tự nhiên và Môi trường xã hội”. Khái niệm này đã nêu ra **4 đặc trưng** cơ bản của văn hóa là tính *hệ thống*, tính *giá trị*, tính *lịch sử* và tính *nhân sinh*.
  - Với **Từ Chi**, ông cho rằng “ Tất cả những gì *không phải là tự nhiên* đều là văn hóa”, tức nhấn mạnh vào *vai trò của con người* đối với việc *sáng tạo* văn hóa.
  - Còn theo chủ tịch **HCM**, Người lại quan niệm: ” Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra *ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặt ăn ở và các phương thức sử dụng*. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”. Như vậy, khái niệm này lại nhằm nhấn mạnh *mục đích* sáng tạo văn hóa cùng những *hình thức tồn tại* của nó.
  - Theo những quan điểm quốc tế, **UNESCO** đã nêu lên 3 đặc điểm cơ bản của văn hóa:
    - + Văn hóa bao gồm những *giá trị vật chất và tinh thần*
    - + Văn hóa tạo ra *sự khác biệt*
    - + Văn hóa là *động lực* cho sự phát triển
- ⇒ **Kết luận**: Các định nghĩa về văn hóa tóm lại có thể quy về **2 cách hiểu**. Đó là những lối sống, cách suy nghĩ, ứng xử (khi được hiểu theo **nghĩa rộng**) và là những phương diện văn học, văn nghệ, học vấn (khi được hiểu theo **nghĩa hẹp**)
- **VD**: Tục nhuộm răng, ăn trầu, xăm mình, tổ chức lễ hội ngày mùa, trang phục truyền thống ... (theo nghĩa rộng) hoặc đi đường đâm vào người khác không xin lỗi → thiếu văn hóa ; trình độ văn hóa → trình độ học vấn (theo nghĩa hẹp)

## 2. Phân biệt văn hóa, văn hiến, văn minh, văn vật

Những khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật thường được sử dụng rất nhiều trong cuộc sống nhưng với những ý nghĩa chưa thực sự chính xác. Vì thế, chỉ ra sự khác nhau về bản chất giữa những phạm trù này là cần thiết cho các quá trình nhận thức và nghiên cứu.

### a. Văn minh

- Phương Đông: văn minh chỉ tia sáng của *đạo đức*, biểu hiện ở chính trị, pháp luật, văn hóa, nghệ thuật
- Phương Tây: (civitas: đô thị, thành phố) văn minh chỉ xã hội đạt tới giai đoạn tổ chức *đô thị và chữ viết*

⇒ Văn minh chỉ *trình độ văn hóa về phương diện vật chất*, đặc trưng cho 1 khu vực rộng lớn, 1 thời đại hoặc cả nhân loại. Văn minh có thể *so sánh cao thấp*, văn hóa chỉ là sự khác biệt.

**VD:** văn minh lúa nước, văn minh cơ khí, văn minh châu Âu

**b. Văn hiến:** văn = vẻ đẹp, hiến = hiển tài. Văn hiến thiên về các *giá trị tinh thần do hiển tài sáng tạo ra*.

**VD:** chữ viết, thơ văn, phong tục tập quán

**c. Văn vật:** văn = vẻ đẹp, vật = vật chất. Văn vật thiên về những *giá trị văn hóa vật chất*. Biểu hiện ở những công trình, hiện vật có giá trị nghệ thuật và lịch sử.

**VD:** Phở Hà Nội, Cốm Làng Vòng, Gốm Bát Tràng

⇒ Văn hiến, văn vật chỉ là **1 bộ phận** của văn hóa.

**d. Xét trong môi trường quan liên hệ với nhau, có thể thấy:**

- Về *đối tượng*, văn hóa bao gồm tất cả các yếu tố *vật chất và tinh thần*, văn vật thiên về yếu tố *vật chất* hơn, văn hiến chủ yếu tập trung về các yếu tố *tinh thần* còn văn minh lại thiên về các yếu tố *vật chất kỹ thuật*.
- Trong khi văn hóa, văn hiến, văn vật có *tính lịch sử, tính dân tộc* thì văn minh lại có *tính quốc tế* và chỉ sự phát triển *theo giai đoạn*.
- Cũng bởi những thuộc tính đó mà văn minh thường gắn với xã hội *phương tây* còn văn hóa, văn hiến văn vật lại thân thuộc hơn với xã hội *phương Đông*.
- Kẻ bảng để quan sát hơn

	Văn hóa	Văn hiến	Văn vật	Văn minh
Đối tượng	Vật chất và tinh thần	Thiên về tinh thần	Thiên về vật chất	Thiên về yếu tố vật chất khoa học kỹ thuật
Tính chất	Tính lịch sử			Chỉ sự phát triển, mang tính giai đoạn
	Tính dân tộc			Tính quốc tế
Kiểu xã hội	Phương Đông			Phương Tây

### 3. Mối quan hệ chủ thể - khách thể giữa con người và văn hóa

- Một trong những khía cạnh cần xem xét trong vấn đề là về *mối quan hệ giữa con người và văn hóa*. Mối quan hệ này được bộc lộ ra ở **3 khía cạnh** quan trọng
- Khi con người *sáng tạo* ra văn hóa thì khi đó con người đóng vai trò là chủ thể sáng tạo của văn hóa

**VD:** Bằng cách sử dụng công chiêng vào những dịp lễ hội, những sự kiện quan trọng của con người và đưa cả vào hơi thở của cuộc sống thường ngày, người dân Tây Nguyên đã làm nên một kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể - không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên.

- Đồng thời, con người cũng là *sản phẩm* của văn hóa, con người là *đại biểu* mang những giá trị văn hóa do mình sáng tạo ra, *bị văn hóa tác động* trở lại => khách thể

**VD:** Việt Nam trồng lúa, văn hóa lúa nước → ăn cơm; Mĩ trồng lúa mì → ăn bánh mì

**VD:** Con người sáng tạo nên ngôn ngữ, vận dụng nó vào trong cuộc sống (chủ thể) nhưng những thể hệ sau lại bị chính ngôn ngữ ấy quy định phương tiện giao tiếp (khách thể)

### 4. Văn hóa hóa bản năng

- **Tự nhiên** là cái *đương nhiên tồn tại*, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.
- **Môi trường tự nhiên** là tất cả những yếu tố của tự nhiên *tồn tại xung quanh* và *có tác động* đến cuộc sống của con người. Môi trường tự nhiên thay đổi sẽ tác động tới con người và các giá trị văn hóa con người sáng tạo ra.
- **Con người** là *1 phần* của tự nhiên, *tồn tại bên trong* môi trường tự nhiên, *không thể tách rời*, là *sản phẩm cao nhất* trong chuỗi tiến hóa của tự nhiên. Con người là 1 phần của tự nhiên → tuân theo các quy luật tự nhiên → có những *bản năng không thể chặn đứng* (ăn, ngủ, bài tiết, chết, ...)
- **Tự nhiên bên trong** hay còn gọi là **bản năng**, là khuynh hướng *vốn có* của một sinh vật *đáp lại một tác động hay điều kiện* cụ thể từ bên ngoài.
- *Đối với loài người*, bản năng được **bộc lộ** rõ nhất qua những *hành vi về thân thể, xúc cảm hoặc giới tính*, bởi chúng đã được xác định rõ ràng về mặt sinh học.
- Con người thực hiện bản năng trong **phạm vi xã hội chấp nhận** => *văn hóa hóa bản năng*

**VD:** Bản năng của con người là ăn, ngủ, bài tiết, ... thế nhưng con người không thể thực hiện những bản năng ấy như các loài động vật được. Con người sẽ tự điều chỉnh, điều khiển hành vi

ấy cho phù hợp với những chuẩn mực xã hội. Khi ăn phải mời người lớn, nhường nhịn người dưới, khi nói phải có thái độ tôn trọng, cách xưng hô phù hợp, ...

## 5. Mối quan hệ MT tự nhiên – văn hóa

- Vị trí địa lí

- Việt Nam nằm ở **phía đông** của bán đảo Đông Dương, ở **trung tâm** của khu vực Đông Nam Á.
- Việt Nam nằm trong **vành đai khí hậu nhiệt đới**, trong luồng di cư của các loài động thực vật, trong vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.
- Việt Nam có vị trí là **chiếc cầu nối** liên Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
- **Phía bắc** giáp Trung Quốc, **phía tây** giáp Lào và Campuchia, **phía đông và phía nam** giáp Biển Đông

⇒“**Ngã tư đường**” của các *dòng chảy văn hóa* đặc biệt là văn minh Trung Hoa và Ấn Độ. Do đó, tiếp xúc, biến đổi trở thành 1 hằng số của văn hóa VN. Đồng thời, đây cũng là nguyên nhân khiến cho nước ta luôn phải trải qua các cuộc *xâm lược*.

- Phương Đông:       • giao lưu tiếp xúc VH TQ từ sớm thời *Bắc thuộc*: tổ chức bộ máy nhà nước PK, Nho giáo, nghề thủ công, hạt giống cây trồng

- giao lưu với Ấn Độ giáo thông qua truyền giáo, buôn bán và hôn nhân

- Phương Tây:       • Từ đầu công nguyên qua buôn bán và truyền đạo, sau trở thành mục tiêu xâm lược của các nước đế quốc, ảnh hưởng vh lớn: trang phục, kiến trúc, giáo dục,...

- Các yếu tố VH tiêu cực: tệ nạn XH,...

- Khí hậu

- Khí hậu Việt Nam mang tính chất **nhiệt đới gió mùa ẩm**:(quy định **tính thực vật**)

- Nhiệt độ cao, độ ẩm lớn: Cân = bức xạ lớn, độ ẩm>80%

- Động thực vật phát triển xanh tốt quanh năm, hệ sinh thái phức tạp, *thực vật* phong phú và phát triển hơn động vật

⇒ Quy định **phương thức sống**:

+ *hái lượm* trội hơn săn bắt, *trồng trọt* trội hơn chăn nuôi

+ *lấy nông nghiệp* đa canh làm nền tảng cơ bản

### Biểu hiện:

- Bữa ăn truyền thống: cơm - rau - cá, nhấn mạnh yếu tố thực vật “cơm” trong bữa ăn; Không có thói quen uống sữa và sử dụng các sản phẩm từ sữa
  - Chủ yếu chăn nuôi đại gia súc để phục vụ trồng trọt: trâu làm sức kéo
  - Quần áo từ sợi vải tự nhiên: đay, gai, ngô, bông,...
  - Tín ngưỡng thờ cây, thờ hồn lúa,... “Thần cây đa, ma cây gạo, cáo cây đề”
  - Hệ thống sông ngòi ao hồ dày đặc phân bố đều khắp phía Đông và Nam bờ biển kéo dài
    - Bờ biển dài >2000km, ven bờ nhiều vũng vịnh đầm phá
    - Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nguồn nước dồi dào đa dạng (ngọt, mặn, lợ). Nhiều sông lớn: Hồng, Cửu Long, Thái Bình,...
- ⇒ **Tính sông nước** của văn hóa.

### Biểu hiện:

- Bữa ăn: cơm - rau - cá, mặc đồ thoáng mát phù hợp với môi trường sông nước: nam đóng khố cời trần, nữ mặc váy có thể vén cao
  - Cư trú: các làng ven sông, chợ nổi, ở nhà sàn, nhà có mái hình thuyền, trong nhà có ao. Thủ đô HN là thành phố giữa những con sông lớn
  - Di lại chủ yếu bằng phương tiện thuyền, đò ; cư trú tại các làng ven sông, trên sông, “vạn chài” ; ở nhà sàn, nhà ao, nhà thuyền
  - Tập quán canh tác: trồng lúa nước, “nhất nước nhì phân ta cần tứ giống”, đê, đào ao, kênh, mương, ...
  - Tín ngưỡng, tôn giáo: ông tổ Lạc Long Quân vốn gốc từ nước, quan niệm về “suối vàng” ngăn cách âm – dương, thờ thủy thần, ...
  - Sinh hoạt VH cộng đồng: đua thuyền. múa rối, ...
  - Tâm lí, tính cách: mềm mại, linh hoạt như nước, thích nghi nhưng vẫn giữ được bản chất “Ở bầu thì tròn ở ống thì dài”.
- Chịu nhiều thiên tai (lũ lụt, bão tố, ...) khí hậu thất thường, khắc nghiệt cùng nhiều dịch bệnh gây nên khó khăn trong cuộc sống

⇒ Kiên cường, tinh thần cộng đồng

VD: mô hình cư trú làng xã

⇒ **Kết luận:** Đặc điểm môi trường mang đặc trưng thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đã có ảnh hưởng lớn đến văn hóa Việt Nam, tạo nên tính sông nước, tính văn hóa và hình thành dòng chảy giao lưu văn hóa đa dạng. Đây cũng là cơ sở chỉ ra sự khác biệt căn bản từ nguồn gốc, bản chất của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Quốc, khẳng định sự tồn tại độc lập của văn hóa Việt.

## 6. Gia đình

### a. Gia đình người Việt trước Bắc thuộc:

- *Khái niệm:* Gia đình là 1 cộng đồng người *chung sống* và *gắn bó* với nhau bởi các mối quan hệ *tình cảm, hôn nhân*, quan hệ *huyết thống*, quan hệ *nuôi dưỡng* hoặc quan hệ *giáo dục*. Gia đình có lịch sử hình thành từ rất sớm và đã trải qua 1 *quá trình phát triển* lâu dài, có những *ảnh hưởng* mạnh mẽ đến xã hội.

- Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình truyền thống trước Bắc thuộc tồn tại theo **2 nguyên lí cơ bản:**

+ *Nguyên lí Đực – Cái:* trọng yếu tố cái, âm tính, vai trò của người phụ nữ đc coi trọng

**VD:** mẫu hệ, con cái theo mẹ, đàn bà làm chủ gia đình, phụ nữ có địa vị trong xã hội

**Nguyên nhân:** phong tục “quần hôn” => con cái sinh ra không xác định đc bố

+ *Nguyên lí Già – Trẻ:* trọng người già

**VD:** “Kính già, già để tuổi cho”, “Uống nước nhớ nguồn”

b. **Gia đình người Việt sau Bắc thuộc:** Sau khi các thế lực phong kiến phương Bắc xâm lược và đô hộ nước ta trong hơn 1000 năm, chúng đã **du nhập** nhiều yếu tố văn hóa giao thoa vào nước ta, làm *xuất hiện* gia đình “*vỏ Tàu lõi Việt*”

- “*vỏ Tàu*”: Chế độ gia đình **phụ hệ**, phân biệt họ nội họ ngoại (“*nhất nội nhị ngoại*”). Về hình thức, người đàn ông làm chủ gia đình, có thể lấy *đa thê*. Con cái phải theo *họ cha*, “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” → đó là tư tưởng Nho giáo mang tính *gia trưởng, trọng nam khinh nữ*

- “*lõi Việt*”: Những ảnh hưởng nói trên chỉ là lớp phủ bên ngoài, phải đi sâu vào nghiên cứu các giá trị văn hóa truyền thống mới thấy được cái “*lõi Việt*”.

• **Quy mô:** gia đình hạt nhân hoặc có xu hướng hạt nhân hóa

• Vai trò của người chồng và người vợ đối với việc *dưỡng dục* con cái là như nhau

- **Kinh tế:** tiểu nông tự cung tự cấp
- Người phụ nữ giữ vai trò quan trọng trong gia đình đc gọi là “*nội tướng*”
- Xuất hiện nạn *tảo hôn* (“Lấy chồng từ thuở 13”)
- *Nguyên lí Già – Trẻ* vẫn đợc coi trọng
- **Nhược điểm:** Trong khi giữ gìn những truyền thống tốt đẹp thì cũng bảo thủ giữ lại cả những tập tục, tập quán *lạc hậu, lỗi thời* nên gây ra những *mâu thuẫn* giữa các thế hệ. Bên cạnh việc duy trì tinh thần cộng đồng thì lại *hạn chế* sự phát triển cá nhân.

## 7. Làng xã

- **Khái niệm:** Làng là 1 đơn vị cộng cư có 1 vùng đất chung của cư dân nông nghiệp, một hình thức tổ chức xã hội nông nghiệp tiểu nông tự cung tự cấp, mặt khác, là mẫu hình xã hội phù hợp, là cơ chế thích ứng với sản xuất tiểu nông, với gia đình – tông tộc gia trưởng, đảm bảo sự cân bằng và bền vững của xã hội nông nghiệp ấy.
- **Hình thành:** nguyên lí “*cùng huyết thống*” và nguyên lí “*cùng chỗ*”  
+ *Cội nguồn:* làng là nơi ở của 1 họ (nay không còn) để lại dấu ấn tên làng
- VD:** Phạm Xã, Nguyễn Xã, Lê Xã, ...  
+ *Cùng chỗ:* Các thành viên trong làng cùng sinh sống trên 1 địa bàn nên tự có ý thức gắn kết với nhau.
- **Cơ cấu:** “*nửa kín nửa hở*” (GS Trần Quốc Vượng) thể hiện tính linh hoạt của mô hình làng xã và là cái nôi, cơ sở bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.  
+ “*Nửa kín*”: tính tự trị, ý thức tự quản của làng
- **Hình thức:** khép kín (lũy tre, cổng làng). Những làng Việt xưa thường có lũy tre bao quanh tạo thành 1 thành lũy kiên cố bảo vệ làng và hạn chế sự giao lưu bên ngoài.
- **Hương ước** (lệ làng) Mỗi làng có những hệ thống phép tắc quy định riêng như quy định treo cưới, khuyến học, các hình phạt, ... (Phép vua thua lệ làng)
- **Tín ngưỡng:** Thờ thần Thành hoàng làng - thần bảo trợ cho làng
- Đời sống **kinh tế** theo mô hình tự cung tự cấp, có tổ chức họp chợ nhưng theo phiên hàng tháng hoặc không có  
+ *Nửa hở:* quan hệ liên làng, siêu làng
- **Liên kết** chống lũ lụt, chống ngoại xâm
- Quan hệ **hôn nhân** vượt ra khỏi phạm vi làng



- **Tâm linh:** đình tổng, hội vùng, miền, quốc gia, kết chiềng/chạ
- **Kinh tế:** Đời sống kinh tế có sự giao lưu buôn bán ngoài làng, nông cụ, vải, đặc biệt là sản vật địa phương. Hệ thống chợ phiên đc tổ chức luân phiên
- Các **loại hình** làng Việt:
  - + Làng *thuần nông* (Làng Quỳnh Đô, Thanh Trì, HN; Làng Đông Sơn, Thanh Hóa; ...)
  - + Làng *nghề* (Làng gổ Bát Tràng, Làng Đồng Kỵ Bắc Ninh làm gổ mỹ nghệ, Làng Cót làm vàng mã ở Cầu Giấy, HN,...)
  - + Làng *buôn*
  - + Làng *chài* (Làng chài Cửa Vạn, Làng chài Mũi Né, ...)
- Các **nguyên tắc** tổ chức làng xã:
  - + Theo *huyết thống*: dòng họ (các dòng họ sinh sống ăn ở tập trung với nhau)
  - + Theo *địa vực*: ngõ, xóm (phân chia làng thành từng cụm ngõ xóm nhỏ)
  - + Theo *giáp*: phân chia theo lứa tuổi (ti ấu, đình, lão...) để thuận lợi cho việc quản lí dân làng
- Dân làng:
  - + *Nội tịch*: những người đàn ông được ghi tên trong sổ của làng, có quyền và nghĩa vụ với làng, với nước
  - + *Quan viên chức sắc*: khoa mục, viên chức ... có uy tín, thế lực trong làng, sau này bị tha hóa
  - + *Các hạng dân làng*: ti ấu, đình, lão / sĩ, nông, công, thương

## **8. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa**

- **Tiếp xúc và giao lưu văn hóa** là hiện tượng xảy ra khi *hai nhóm người* hay *hai tộc người* có đặc trưng văn hóa *khác nhau* tiếp xúc lâu dài và *trực tiếp* gây ra sự *biến đổi về văn hóa* với **một hoặc cả hai** nhóm người / tộc người tham gia tiếp xúc.
- **Vì sao lại có tiếp xúc và giao lưu văn hóa?**
  - + Về mặt *tự nhiên*, mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ không tồn tại biệt lập mà *tương tác, phụ thuộc, chuyển hóa* lẫn nhau
  - + Về mặt *xã hội*, không cộng đồng nào *tự thỏa mãn* được các nhu cầu phát triển của nó nếu không *tương tác* với các cộng đồng khác.
  - + Văn hóa *không đứng ngoài* các quy luật tự nhiên và xã hội đó

- ⇒ Tiếp xúc và giao lưu văn hóa trở thành **bản chất đặc trưng** của mọi nền văn hóa
- Tiếp xúc và giao lưu văn hóa thể *hiện mối quan hệ* giữa yếu tố nội sinh và ngoại sinh, dưới **3 dạng thức cơ bản**:
    - + Yếu tố *nội sinh* lẫn át
    - + Yếu tố *ngoại sinh* lẫn át
    - + Sự *dung hòa, kết hợp* giữa yếu tố nội sinh và ngoại sinh
  - **Hai hình thức** của tiếp xúc và giao lưu văn hóa:
    - + *tự nguyện*: là hình thức 1 chủ thể tự nguyện tiếp nhận văn hóa của một/nhiều chủ thể khác mà không trải qua bất cứ hình thức cưỡng bức nào thông qua các quá trình, hoạt động buôn bán, truyền giáo, hôn nhân, ...
    - VD**: Phật giáo du nhập vào nước ta một cách tự nguyện theo hình thức di dân, truyền giáo
    - + *không tự nguyện* (cưỡng bức): Dựa trên bạo lực và xâm chiếm lãnh thổ, “chủ thể mạnh” buộc “chủ thể yếu” sử dụng văn hóa của họ để thay thế văn hóa gốc, nhằm đi đến đồng hóa văn hóa, thường xảy ra trong thời kì chiến tranh.
    - VD**: Pháp thực hiện chính sách ngu dân, phá trường học, bắt dân ta học tiếng Pháp, học trường Pháp, từ bỏ văn hóa truyền thống dân tộc
  - **Hai đặc điểm** của tiếp xúc và giao lưu trong văn hóa Việt Nam:
    - + *chọn lọc*
    - + *biến đổi*

VD: Chữ Hán → Chữ Nôm, Tết Hàn thực tưởng nhớ Giới Tử Thôi → Tết diên sâu bọ

## **9. Giao lưu văn hóa Việt – Trung**

- Là quá trình tiếp xúc *dài lâu* và *thường xuyên* trong lịch sử
- **Hoàn cảnh**: TQ vốn là 1 nền văn minh lớn của nhân loại và cũng là quốc gia láng giềng của VN. Do đó sự giao lưu tiếp xúc văn hóa giữa VN và TQ là sự giao lưu tiếp biến, tất yếu, lâu dài từ trong lịch sử. Quá trình ấy diễn ra ở 2 trạng thái tự nguyện và cưỡng bức
- **Hai dạng thức** của tiếp xúc:
  - + *Cưỡng bức*: Bắc thuộc (179TCN – 938) và Minh thuộc (1407 – 1427). Từ thế kỉ I đến thế kỉ X: các đế chế phương Bắc ra sức thực hiện chính sách đồng hóa để biến đất nước chúng ta thành một quận, huyện của Trung Hoa

**Biểu hiện** :” Binh lính vào Việt Nam, trừ sách vở và bản in đạo Phật, đạo Lão thì không được tiêu hủy, ngoài ra hết thảy mọi sách vở khác, văn tự cho đến ca lý dân gian hay sách dạy trẻ nhỏ một mảnh, một chữ cũng đều phải đốt hết. Khắp trong nước, phàm là bia do người Trung Quốc dựng thì giữ gìn cẩn thận, còn bia do An Nam xây dựng thì phải phá hủy tất cả chớ để lại một mảnh

+ *Tự nguyện*: Thời kì độc lập tự chủ

**Biểu hiện**: Ở thời kì độc lập tự chủ, nhà nước Đại Việt được mô phỏng theo mô hình nhà nước phong kiến Trung Hoa. Nhà Lý, Trần về chính trị đều lấy nho giáo làm gốc dù vẫn chịu ảnh hưởng của đạo Phật. Đến nhà Hậu Lê thì đã chịu ảnh hưởng của Nho giáo sâu sắc. Thêm nữa việc giao lưu buôn bán, cộng với sự di cư của người dân hai nước cũng tạo điều kiện thuận lợi cho sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa

- **Tiếp xúc và giao lưu văn hóa cưỡng bức**: diễn ra *song song* hai quá trình *đồng hóa* và *chống đồng hóa* thông qua ngôn ngữ, chữ viết, phong tục tập quán ...

- **Tiếp xúc và giao lưu văn hóa theo xu hướng tự nguyện**

+ Những giá trị văn hóa người Việt tiếp nhận từ văn hóa Trung Hoa

- Mô hình *tổ chức* và *quản lý* Nhà nước
- Hệ thống *pháp luật*
- Hệ thống *giáo dục* và *thi cử* Nho học (Kì thi Tam giáo thi Hương thi Hội thi Đình, ...)

+ Những giá trị văn hóa Trung Hoa tiếp nhận từ văn hóa Việt

- Những giá trị văn hóa liên quan đến nghề *trồng lúa nước*: kĩ thuật thủy lợi, giống lúa (các loại hình công cụ, kinh nghiệm sản xuất)
- Kĩ thuật *làm thủy tinh*
- Kĩ thuật dung tở kiến *diệt sâu cam*
- Các pttq

=> **Kết luận**: Như vậy, cả 2 phương thức tiếp nhận và giao lưu văn hóa Việt Nam – trung Quốc đều là nhân tố cho sự vận động và phát triển của văn hóa Việt. Đồng thời, mặc dù chịu những ảnh hưởng mạnh mẽ nhưng ta vẫn giữ được cơ tầng văn hóa DNA, tránh nguy cơ Hán hóa và khẳng định sức sống và trường tồn của nền VHVN.

## 10. Giao lưu văn hóa Việt – Pháp

**Mở bài:** Quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam và văn hóa phương Tây không phải chỉ diễn ra từ khi thực dân Pháp xâm lược mà đã diễn ra thật lâu trước đó.

### ● **Hoàn cảnh:**

+ *Trước khi Pháp xâm lược:*

- Thế kỉ XVI (1533), giáo sĩ phương Tây truyền giáo tại Quần Anh, Trà Lũ, Nam Định.
- Vua Lê, chúa Trịnh + Chúa Nguyễn → Nhà Tây Sơn đều có quan hệ với phương Tây.
- Thăng trầm thời nhà Nguyễn:
  - Nguyễn Ánh: cho phép truyền bá VH Pháp
  - Minh Mạng: tư tưởng bảo thủ, chính sách “cấm đạo, diệt đạo”

+ *Thời kì Pháp cai trị:* 2 dạng thức giao lưu cưỡng bức và tự nguyện đồng thời diễn ra

	Pháp	Việt
Hành động	Dùng VH như 1 hình thức cai trị	Các nhà Nho yêu nước Nam Bộ như Nguyễn Đình Chiểu, Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực,... phản ứng hết sức quyết liệt
Biểu hiện	Tạo ra chữ Quốc ngữ vào cuối TK XIX	Tiếp nhận những giá trị VH mới, miễn sao chúng có tác dụng hữu ích trong công cuộc chống ngoại xâm

● **Kết quả:** người Việt Nam thay đổi cấu trúc nền VH của mình, đi vào vòng xoay của *văn minh phương Tây giai đoạn công nghiệp*

- + Chữ Quốc ngữ và vốn từ vựng tiếng Pháp (Kem - Crème)
- + Phương tiện VH: nhà in, máy in → Báo chí, NXB xuất hiện: Gia Định báo,...
- + Hệ tư tưởng: tư sản, vô sản (thay cho tư tưởng phong kiến lỗi thời)
- + Xuất hiện đô thị kiểu phương Tây: Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn,... có *tính chất thương mại rõ nét*

- + Giáo dục, pháp luật: xóa bỏ chế độ giáo dục Nho giáo - Nho học, thiết lập chế độ giáo dục phương Tây - Đại học, Cao đẳng
  - + Văn hóa đảm bảo đời sống: ăn ở (Âu phục,...), kiến trúc (nhà hát lớn,...), phương tiện (xe lửa, xe đạp, tàu thủy,..)
  - + Các loại hình văn hóa, nghệ thuật mới: tiểu thuyết, truyện ngắn, tranh sơn dầu, kịch nói, điện ảnh, thơ mới,...
- ⇒ Tạo ra sự **đột biến** về văn hóa, chuyển văn hóa Việt từ *tuyến phương Đông* → *tuyến phương Tây*, hội nhập với thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc VH Việt

## 11. Phật giáo

### ● Nguồn gốc

- Ra đời khoảng thế kỉ VI TCN tại Ấn Độ
- *Người sáng lập* là Siddhartha Gautama hay còn được gọi là Tất Đạt Đa / Thích Ca Mâu Ni (652-544 TCN)
- + Là thái tử nhưng bất bình với sự phân chia đẳng cấp, kì thị màu da và đồng cảm với nỗi khổ của muôn dân → tìm con đường giải thoát
- + Rời nhà lúc 29 tuổi, đến 35 tuổi thì giác ngộ được tư tưởng, tìm ra hướng giải thoát. Trong suốt 40 năm còn lại của cuộc đời đi các nơi để truyền bá tư tưởng của mình.

### ● Giáo lý: Kinh Phật, được xếp thành 3 tạng

- Kinh tạng: chứa các bài thuyết pháp của Phật và một số đệ tử
- Luật tạng: chứa các lời Phật dạy về thế giới luật và phương thức sinh hoạt của chúng tăng
- Luận tạng: chứa những lời bàn luận

**Nội dung giáo lý:** học thuyết về nỗi khổ và sự giải thoát, có cốt lõi là “Tứ diệu đế” (Bốn chân lý kì diệu)

#### ① Khổ đế: bản chất của nỗi khổ

“Bát khổ”: sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, sở cầu bất đạt, ngũ thụ uẩn

#### ② Tập đế: chân lý về nguyên nhân của nỗi khổ

Đó là ái dục (tham muốn) và vô minh (kém sáng suốt). Dục vọng thể hiện hành động gọi là Nghiệp; hành động xấu khiến con người phải nhận hậu quả của nó (nghiệp báo)

⇒ Luân quản trong vòng luân hồi

### ③ Diệt đế: cảnh giới diệt khổ

Nỗi khổ sẽ được tiêu diệt khi nguyên nhân gây ra khổ bị loại trừ.

Sự tiêu diệt khổ đầu gọi là niết bàn (nghĩa đen: không ham muốn, dập tắt)

⇒ Thế giới của sự giác ngộ và giải thoát

### ④ Đạo đế: con đường diệt khổ

“Bát chính đạo” (tám con đường diệt khổ):

- Rèn luyện đạo đức - GIỚI: chánh ngữ, chánh nghiệp, tránh mạng
- Rèn luyện tư tưởng - ĐỊNH: chánh niệm, chánh định
- Khai sáng trí tuệ - TUỆ: chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn

### ● **Phật giáo có 2 phái**: Đại thừa & Tiểu thừa

+Tiểu thừa (“cỗ xe nhỏ” - chở được ít người):

- Theo xu hướng bảo thủ, chủ trương bám sát kinh điển, giữ nghiêm giáo luật
- Phật tử phải tự giác ngộ cho bản thân,
- Chỉ thờ Phật Thích Ca và chỉ tu đến bậc La hán (người đã thoát cảnh luân hồi, đáng được tôn kính)

+Đại thừa (“cỗ xe lớn” - chở được nhiều người):

- Không cố chấp theo kinh điển, khoan dung đại lượng trong thực hiện giáo luật
- Thu nạp tất cả những ai muốn quy y, giác ngộ giải thoát cho nhiều người
- Thờ nhiều Phật, tu qua các bậc La hán, Bồ Tát đến Phật

### ● **Quá trình thâm nhập và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam: 4 giai đoạn**

• Từ đầu công nguyên đến hết thời Bắc thuộc: giai đoạn hình thành và phát triển rộng khắp

- Đầu công nguyên (TK I,II): *Du nhập* vào Việt Nam qua đường biển, trung tâm là chùa Dâu (Luy Lâu, Thuận Thành, Bắc Ninh) nhờ 1 số nhà truyền đạo gốc Ấn Độ, Trung Quốc. Phật giáo lúc này mang màu sắc *Tiểu thừa*, Bụt như 1 vị thần luôn xuất hiện giúp người tốt và trừng trị kẻ xấu

- TK IV-V: Phật giáo *Đại thừa* từ Trung Hoa tràn vào và thay thế luồng *Tiểu thừa* trước đó. Từ Buddha được phiên âm thành Phật (theo tiếng Hán) dần thay thế cho Bụt (phiên âm theo tiếng Phạn). Bụt chỉ còn trong các quán ngữ với nghĩa ban đầu (“Gần chùa gọi Bụt = anh”) hoặc trong các truyện cổ dân gian (Tám Cám)

- Có 3 tông phái được truyền vào Việt Nam: Thiên tông, Tịnh độ tông và Mật tông
- + Thiền Tông: chủ trương tập trung trí tuệ suy nghĩ để tự mình tìm ra chân lý, đề cao cái tâm ⇒ Đòi hỏi nhiều công phu, trí tuệ, phổ biến ở giới trí thức thượng lưu
- + Tịnh Độ tông: dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài để cứu chúng sinh thoát khổ ⇒ thường xuyên đi chùa lễ Phật, tụng niệm “Nam mô A-di-đà Phật” ⇒ đơn giản, phổ biến cho mọi người giới bình dân
- + Mật tông: sử dụng những phép tu luyện bí mật (linh phù, mật chú, ấn quyết,..) để thu hút tín đồ và mau chóng đạt đến giác ngộ và giải thoát ⇒ Hòa vào dòng tín ngưỡng dân gian Việt Nam như cầu đồng, dùng pháp thuật, yểm bùa trị ma và chữa bệnh,...

- Thời Lí – Trần: giai đoạn cực thịnh

- Nhiều chùa tháp có quy mô to lớn/kiến trúc độc đáo được xây dựng: Chùa Phật Tích, chùa Dam (chùa Đại Lãm), chùa Diên Hựu (Một Cột), hệ thống chùa Yên Tử, v.v.

- Bốn công trình nghệ thuật lớn thời Lý - Trần mà sách vở Trung Hoa còn truyền tụng là “An Na tứ đại khí”:

- + Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm (pho tượng Di lặc bằng đồng cao 6 trượng (24m) đặt trong một tòa Phật điện cao 7 trượng, xây dựng vào TK XI)

- + Tháp Báo Thiên ( vua Lý Thánh Tông cho xây năm 1057, 12 tầng, 20 trượng, là đệ nhất danh thắng đế đô một thời, bị phá hủy bởi quân Vương Thông năm 1414, những gì còn sót lại đã bị Pháp phá hoàn toàn để xây nhà thờ lớn trên nền đất ấy.)

- + Chuông Quy Điền (năm 1101 vua Lý Nhân Tông xuất hàng vạn cân đồng để đúc và dự định treo tại chùa Diên Hựu nhưng do to và nặng quá không thể treo lên, đành để ngoài ruộng, rùa bò ra bò vào nên dân gian gọi là chuông Quy Điền (ruộng rùa))

- + Vạc Phổ Minh (thời Trần Nhân Tông, vạc to đến mức nấu được cả 1 con bò mộng, trẻ con có thể chạy nô đùa trên thành miệng vạc. Nay còn lại 3 trụ đá kê chân vạc trước sân chùa Phổ Minh)

**Phần trong ngoặc đọc tham khảo, nếu không có gì viết thì đưa vào cho dài.**

- Thời Hậu Lê → Cuối TK XIX: nhà nước tuyên bố lấy Nho giáo là quốc giáo, Phật giáo dần suy thoái. Đầu TK XVIII, vua Quang Trung có quan tâm chấn hưng đạo Phật, song vì vua mất sớm nên việc này ít thu được kết quả

- Đầu TK XX → nay: Giai đoạn chấn hưng Phật giáo
  - Đầu TK XX, trước trào lưu Âu hóa, phong trào chấn hưng Phật giáo được đẩy lên, khởi đầu từ các đô thị miền Nam. Các hội Phật giáo Nam, Trung, Bắc Kỳ lần lượt ra đời.
  - Đến nay, Phật giáo là tôn giáo có số tín đồ đông nhất ở Việt Nam. Xuất gia khoảng 3 triệu người, thường xuyên đến chùa tham gia các Phật sự khoảng 10 triệu và chịu ảnh hưởng cũng khoảng vài chục triệu.

### ● Đặc điểm của Phật giáo Việt Nam

#### • Tính tổng hợp:

+ *Hòa nhập* với tín ngưỡng dân gian:

**VD:** - Hệ thống chùa Tứ pháp vẫn chỉ là những miếu dân gian thờ các vị thần tự nhiên: Mây - Mưa - Sấm - Chớp và thờ đá

- Lối kiến trúc chùa: tiền Phật hậu Thần, đưa cả thần thánh, thành hoàng, thổ địa, các anh hùng dân tộc vào thờ trong chùa. Hầu như không chùa nào không để bia hậu, bát nhang cho các linh hồn đã khuất.

+ *Tổng hợp các tông phái* với nhau: không có tông phái Phật giáo nào là thuần khiết

**VD:** - phối hợp Thiền Tông với Tịnh Độ tông.

- Bắc: Chùa có nhiều pho tượng Phật, bồ tát, la hán của các tông phái khác nhau. Tượng Phật Thích ca có tới 5 dạng: Thích ca sơ sinh (Thích Ca Cứu Long), Tuyết Sơn, Thích Ca đứng thuyết pháp, Thích Ca ngồi tòa sen, Thích Ca nhập niết bàn (lúc sắp mất)

- Nam: chùa mang hình thức Tiểu thừa (thờ Thích Ca, sư mặc áo vàng) nhưng lại theo giáo lý Đại thừa (cạnh Phật Thích Ca lớn có nhiều tượng nhỏ, ngoài áo vàng có đồ nâu lam)

+ Tổng hợp chặt chẽ với các tôn giáo khác, *Phật với Nho, với Đạo.*

+ *Kết hợp việc đạo với việc đời*

**VD:** Các cao tăng được mời tham chính hoặc cố vấn trong những việc hệ trọng

- Vua Đinh Tiên Hoàng phong đại sư Khuông Việt làm tăng thống, tiếp sứ thần nhà Tống

- Vua Lê Đại Hành hỏi ý kiến sư Vạn Hạnh trước khi xuất quân đánh Tống



- Thời Lý, thiên sư Vạn Hạnh cố vấn mọi mặt cho vua Lý Thái Tổ

...

Nhiều vua quan quý tộc đi tu

Đầu TK XX, Phật tử xuống đường phản đối nền độc tài của gia đình họ Ngô: hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu hè 1963.

- **Khuyñh hướng thiên về nữ tính** (Đặc trưng bản chất của VH nông nghiệp)

+ Các vị Phật Ân Độ xuất thân là đàn ông, sang VN thành Phật Ông, Phật Bà

**VD:** - Bồ tát Quan Thế Âm → Phật Bà Quan Âm với nghìn mắt nghìn tay

- Tạo ra Phật bà riêng: Đứa con gái nàng Man, sinh ngày 8/4, được xem là Phật Tổ Việt Nam, bà Man là Phật Mẫu → 8/4 là ngày Phật Đản; hay Quan Âm Thị Kính, Phật bà chùa Hương, các thánh mẫu,...

+ Chùa chiền mang tên các bà: Chùa Bà Dâu, chùa Bà Đá, chùa Bà Đanh,...

+ Tuyệt đại bộ phận Phật tử tại gia là các bà: “Trẻ vui nhà, già vui chùa”

- **Tính linh hoạt**

- Tạo ra lịch sử Phật giáo cho riêng mình: nàng Man, cô gái làng Dâu Bắc Ninh, một trong những đệ tử đầu tiên của Phật giáo, trở thành Phật Mẫu, đứa con gái của nàng hóa thân vào đá à trở thành Phật Tổ với ngày sinh là ngày Phật Đản 8/4.

- Coi trọng việc sống phúc đức, trung thực hơn là đi chùa: “Thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ 3 tu chùa” hay “Dù xây 9 bậc phù đồ, không = làm phúc cứu cho 1 người”; Coi trọng truyền thống thờ cha mẹ, ông bà hơn là thờ Phật; đồng nhất cha mẹ, ông bà với Phật

- Đức Phật được đồng nhất với những vị thần trong tín ngưỡng cứu giúp mọi người, làm mây mưa sấm chớp để mùa màng tốt tươi, ban cho người hiếm muộn có con, ban lộc cho bình dân để làm ăn phát đạt, cứu độ người chết và giúp họ siêu thoát.

- Tượng Phật mang dáng dấp hiền hòa với những tên gọi rất dân gian: ông Nhịn ăn mà mặc (Tuyết Sơn gầy ốm), ông Nhịn mặc mà ăn (Di lạc to béo), ông Bụt Ốc (Thích ca tóc quăn),... ; nhiều pho tượng tạc theo dáng chân co chân duỗi rất thoải mái, giản dị,...

- Chùa thiết kế theo phong cách ngôi nhà cổ truyền với hình thức mái cong có ba gian hai chái, năm gian hai chái, trở thành công trình công cộng quan trọng thứ hai của mỗi làng

- **Phật giáo Hòa Hảo** (tổng hợp đạo Phật với đạo ông bà - thờ cúng tổ tiên)

- Lấy pháp môn Tịnh Độ làm căn bản, kết hợp với đạo thờ ông bà tổ tiên đề ra thuyết “Tứ ân”:  
Ơn tổ tiên cha mẹ, ơn đất nước, ơn tam bảo, ơn đồng bào và nhân loại.

**KẾT:** Phật Giáo từ lâu đã thâm nhập vào tâm hồn, nếp nghĩ, lối sống của dân tộc Việt Nam, kết hợp hài hòa với tín ngưỡng dân tộc và đã trở thành bản chất và bản sắc của dân tộc Việt Nam.

## 12. Nho giáo

- **Nguồn gốc**

- Ra đời vào khoảng **thế kỉ VI TCN** ở *Trung Quốc*
- Người sáng lập là **Khổng Tử** (dựa trên việc phát triển tư tưởng của Chu Công Đán)

- **Nội dung**

- Nho giáo là 1 *học thuyết* về chính trị xã hội nhằm giúp các nhà Nho *quản lí đất nước* có hiệu quả

- **Nội dung** cơ bản về tư tưởng của Nho giáo được thể hiện qua 2 cuốn sách kinh điển:

+ *Tứ thư:*

- Luận ngữ: tập hợp lời dạy của Khổng Tử
- Đại học: dạy phép làm người quân tử
- Trung Dung: tư tưởng sống dung hòa, không thiên lệch
- Mạnh Tử: lời của Mạnh Tử - người bảo vệ xuất sắc tư tưởng của Khổng Tử

+ *Ngũ kinh:*

- Kinh thi - sưu tập thơ ca dân gian, chủ yếu về tình yêu nam nữ - dùng để giáo dục tình cảm lành mạnh và tư tưởng khúc chiết rõ ràng
- Kinh thư: ghi lại truyền thuyết và biến cố về các đời vua cổ (Nghiêu, Thuấn anh minh; Kiệt, Trụ tàn bạo) - đem họ là gương cho đời sau
- Kinh lễ: lễ nghi thời trước - làm phương tiện duy trì, ổn định trật tự XH
- Kinh dịch: Ghi chép về Âm dương, Bát quái
- Kinh xuân thu: các sự kiện chọn lọc và lời bình, thậm chí sáng tác lời thoại về lịch sử nước Lỗ, quê hương Khổng Tử - để giáo dục các vua chúa.

- **Giáo lí:** Đào tạo người *quân tử* (người cai trị kiểu mẫu) tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ

- **Tu thân:** tức là đạt đạo, đạt đức và biết thi – thư – lễ - nhạc.

- Đạt đạo là những quan hệ mà con người phải biết ứng xử trong cuộc sống, mỗi quan hệ ngũ luân: vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè.

- Đạt đức, theo Khổng Tử là Nhân – Trí – Dũng về sau được thêm thành “ngũ thường”: nhân - nghĩa - lễ - trí - tín.

- Biết thi – thư – lễ - nhạc, đòi hỏi vốn văn hóa toàn diện

- **Hành động:** Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ với 2 phương châm *nhân trị* (cai trị bằng tình người) và *chính danh* (thực hiện đúng chức phận, nghĩa vụ của mình)

- **Giáo dục:** Học không phân biệt về *đối tượng* mà phân biệt về *cách dạy*, học mọi lúc, mọi nơi, mọi người. Học để làm người và làm quan.

### ● Quá trình thâm nhập, phát triển của Nho giáo tại Việt Nam:

- Nho giáo **du nhập vào VN** trong thời kì Bắc thuộc, chủ yếu ảnh hưởng đến những người thuộc tầng lớp trên trong XH, vì là VH do kẻ xâm lược áp đặt nên chưa có chỗ đứng trong xã hội VN

- TK XI: Nho giáo định hình, chế độ tam giáo đồng nguyên

Năm 1070: Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu thờ Chu Công, Khổng Tử → “Nho giáo được chính thức tiếp nhận”

Năm 1075: Mở khoa thi Nho học đầu tiên, chính thức khai sinh cho lịch sử thi cử Nho giáo lâu dài ở Việt Nam.

Năm 1076: nhà Lý cho lập Quốc tử giám ngay giữa kinh thành và “chọn quan viên văn chức, người nào biết chữ cho vào Quốc tử giám”. Từ đây, con em quý tộc họ Lý chính thức được đào tạo chủ yếu theo Nho giáo

Thời nhà Trần: khuynh hướng dung hòa tam giáo (Nho-Phật-Đạo)

- TK XV: Nhà Lê đưa Nho giáo trở thành quốc giáo → Nho giáo độc tôn

- TK XVI – XVIII: XH biến động, nho giáo suy yếu

- TK XIX: nhà Nguyễn độc tôn nho giáo – thất bại – suy tàn

### ● Đặc điểm Nho giáo ở Việt Nam:

- Khai thác những yếu tố là thế mạnh của Nho giáo

+ Học cách tổ chức triều đình và hệ thống pháp luật

+ Hệ thống thi cử tuyển chọn người tài được vận dụng từ thời Lý, hoàn thiện vào thời Trần và hoàn chỉnh vào thời Lê.

+ Sử dụng chữ Hán làm văn tự chính thức trong giao dịch hành chính, trên cơ sở chữ Hán đã sáng tạo ra chữ Nôm trong sáng tác văn chương

- Nho giáo bị biến đổi nhiều ở VN để phù hợp với truyền thống VH dân tộc:
    - + Nho giáo không chỉ để giữ yên ngai vàng và bành chướng xâm lăng mà nhu cầu duy trì sự ổn định có cả ở dân và triều đình, cả trong đối nội và đối ngoại. Thể hiện qua:
      - Biện pháp kinh tế: nhẹ lương nặng bổng
      - Biện pháp tinh thần: trọng đức khinh tài
    - + Trọng tình người: tâm đắc với chữ “Nhân” hơn cả
      - Truyền thống dân chủ của VH nông nghiệp, mềm hóa cho phù hợp với tâm lí tình cảm của người Việt, trở thành những giá trị văn hóa gắn liền với nếp sống, pttq ở Việt Nam.
      - VD: Trọng nam khinh nữ, nhưng người vợ vẫn là “nội tướng”
      - Tiếp thu chữ hiếu, bình đẳng giữa cha và mẹ: “Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”
    - + Tư tưởng trung quân: trung quân gắn liền với ái quốc, đất nước dân tộc là cái quyết định (không đề cao tuyệt đối vai trò cá nhân thủ lĩnh)
      - VD: Lê Hoàn thay nhà Đinh, Lý Công Uẩn thay nhà Tiền Lê, Trần Cảnh thay nhà Lý
    - + Trọng văn: do chịu ảnh hưởng của VH nông nghiệp phương nam nên rất coi trọng văn, kẻ sĩ, trong khi Trung Hoa chỉ coi quan văn = quan võ. Người Việt dù luôn phải đối phó với chiến tranh nhưng ít quan tâm đến các kì thi võ mà chỉ ham học chữ, thi văn. Nhìn Nho giáo là 1 công cụ VH, con đường làm nên nghiệp lớn
    - + Thái độ đối với nghề buôn: trọng nông ức thương → duy trì nền nông nghiệp âm tính (tính cộng đồng và tự trị), tránh mọi nguy cơ đồng hóa
- KẾT:** Chúng ta không thể phủ nhận rằng Nho giáo đã tham gia góp phần vào sự đúc nặn nên diện mạo tinh thần dân tộc và văn hóa dân tộc. Dù có những điểm chưa tích cực nhưng trải qua năm tháng sàng lọc những tư tưởng triết học của Nho giáo đã thấm nhuần trong lòng con người Việt Nam

### **13. Tín ngưỡng phồn thực**

- **MỞ BÀI:** Ở Việt Nam, bên cạnh sự tồn tại của các tôn giáo chính thống, còn có các tín ngưỡng dân gian, trong đó là tín ngưỡng phồn thực. Đây là tín ngưỡng *bản địa* cổ truyền, **đặc trưng** của cư dân *nông nghiệp*
- **Nội dung:** **phồn** = nhiều, **thực** = sinh sôi, nảy nở → tín ngưỡng cầu mong sự sinh sôi, nảy nở, muôn vật tốt tươi, phồn thịnh với **2 hình thức:**

+ **Thờ sinh thực khí** (linga – yoni): Các cơ quan sinh sản được đặc tả để nói về *ước vọng phồn sinh*. Người xưa, qua trực giác, tin rằng năng lượng thiêng ở thiên nhiên hay ở con người có khả năng truyền sang vật nuôi và cây trồng. Do vậy tín ngưỡng phồn thực, với nhiều nghi thức thờ cúng, phát sinh và phát triển đa dạng

+ **Thờ hành vi giao phối**: Bên cạnh việc thờ sinh thực khí giống như nhiều dân tộc nông nghiệp khác, cư dân nông nghiệp lúa nước với lối tư duy *chú trọng tới quan hệ* còn có tục thờ hành vi giao phối, tạo nên một dạng tín ngưỡng phồn thực độc đáo, đặc biệt phổ biến ở khu vực Đông Nam á

- **Biểu hiện:**

+ Tư duy *lưỡng tâm*

**VD:** Đồng tiền có 2 mặt âm dương ; bánh chưng dài, bánh dày tròn

+ Các *lễ hội* liên quan đến tín ngưỡng phồn thực

**VD:** Lễ hội “*Linh tinh tình phộc*” ở Phú Thọ. Người dân Tứ Xã làm hai “linh vật” bằng gỗ mít, gói trong dải khăn son, đặt trong hòm nhỏ sơn son rồi cất trong “ngăn bí mật” phía trên bàn thờ trong miếu. “Vật linh” luôn được gìn giữ tôn nghiêm, cẩn thận, “ngăn bí mật” và chiếc hòm luôn được khóa kín, chỉ được đưa ra vào “giờ thiêng” - 0h đêm 11 rạng 12 tháng Giêng. Hai người được chọn cầm hai vật linh diễn cảnh giao hợp trong tiếng hò reo, tiếng hát sôi nổi của mọi người.

+ Các *trò chơi*

**VD:** Trò cướp cầu – một trò chơi Việt. Hai phe tranh nhau một quả cầu màu đỏ (dương), ai cướp được thì mang về thả vào hố (âm) của bên mình. Với cùng ước mong phồn thực, cầu may, cầu hạnh phúc là hàng loạt trò chơi như tung còn, ném cầu, đánh phết. đánh đáo, bắt trạch trong chum, ...

+ Các *phong tục tập quán*

**VD:** Vào dịp hội đền Hùng, vùng đất tổ lưu truyền điệu múa "tùng dí", thanh niên nam nữ cầm trong tay các vật biểu trưng cho sinh thực khí nam và nữ, cứ mỗi tiếng trống "tùng" thì họ lại "dí" hai vật đó lại với nhau. Phong tục "giã cối đón dâu" cũng là một biểu hiện cho tín ngưỡng phồn thực

- **KẾT BÀI:** Trải qua bao thăng trầm lịch sử, tín ngưỡng phồn thực đã trở thành 1 thứ trầm tích văn hóa trong nền văn hóa Việt. Thể hiện tư tưởng trực quan, sinh động của cư dân nguyên thủy. Đến nay tín ngưỡng phồn thực vẫn còn để lại dấu ấn đậm nét trong văn hóa Việt Nam.

#### **14. Tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng**

- **Khái niệm:** Thành hoàng làng là 1 vị thần *bảo trợ* cho 1 *thành quách* cụ thể
- Có **nguồn gốc** từ *Trung Quốc* từ xa xưa và được **du nhập** vào VN thời *Bắc thuộc*
  - + Theo *nguyên mẫu*: Thành hoàng làng Thăng Long: thần Long Đỗ, Tô Lịch Giang thần. Ngoài r còn có hệ thống Thăng Long tứ trấn
  - Hướng Đông: thần Bạch Mã tượng trưng cho Mặt trời, thờ thần Mặt trời
  - Hướng Tây: thần Linh Lang, đền Voi Phục, thờ Nước
  - Hướng Nam: thần Cao Sơn, thờ ở đền Kim Liên, thờ núi
  - Hướng Bắc: thánh Trần Vũ, thờ ở đền Quán Thánh
- + Đến thời kì độc lập của Đại Việt, các vương triều Lí, Trần, Lê vẫn duy trì tục thờ thành hoàng thành Thăng Long. Đến thời nhà Nguyễn đã cho xây các *miếu thờ* thành hoàng ở các *tỉnh* và lập *bài vị* thờ thần thành hoàng các tỉnh trong miếu thờ ở kinh đô Huế.
- + Ở các *làng quê*, tín ngưỡng này dần dần hòa tan và tồn tại với sức sống mãnh liệt. Thần thành hoàng của mỗi một làng quê được coi như một *vị thánh*.
- Ở một số vương triều (cụ thể nhà Lê – TK XV) được nhà nước rà soát lại hệ thống các vị thần, xếp hạng và ban sắc phong cho các vị thần (quan chức hóa các vị thần)
  - + Về *thân phận* thành hoàng làng: ở mỗi nơi lại có những vị thần có xuất thân khác nhau.
- Thành hoàng làng có thể là người có công sức với nước, với làng (là người sáng lập ra làng, là người dạy nghề cho dân làng – ông tổ nghề, người chết vào giờ thiêng, ..)
- Thành hoàng làng có thể là nhân thần (những nhân vật lịch sử như Ngô Quyền, Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, ...) hay nhiên thần (thần Tản Viên, thần Long Vương, thần Tử Pháp,...), có thể là phúc thần, ác thần, dâm thần, có thể là một, hay nhiều người.
- + Về *cách thức*: thành hoàng làng ở các làng quê thường được thờ phụng trong đình, làng, nghề, miếu, ... Các lễ hội của làng thường gắn với tín ngưỡng thờ thành hoàng.

- **KẾT BÀI:** Đối với dân làng, thành hoàng là biểu hiện của lịch sử, phong tục, đạo đức, pháp luật cùng hi vọng của cả làng, lại cũng là 1 mối liên hệ vô hình, chỗ dựa tinh thần, nơi gửi gắm niềm tin để vượt qua những khó khăn trong cuộc đời.

## 15. Đặc trưng của lễ hội ở VN

**(I think không vào nên chỉ cop lại thôi chứ cũng không đọc)**

- Cư dân VN sống = nghề lúa nước. Vòng quay của thiên nhiên và mùa vụ khiến họ có nhu cầu tâm linh. Khoảng thời gian nghỉ ngơi là dịp họ cảm tạ thần linh cho 1 mùa vụ tốt đẹp vừa qua, vừa cầu xin thần linh cho họ 1 mùa mang tươi tốt sắp tới. Dần dần, biến thiên thời gian đã lắng đọng nhiều phù sa và trong lễ hội. Sinh hoạt và ý của cư dân gọi là lễ hội.
- Lễ hội bao giờ cũng gắn bó với 1 cộng đồng dân cư nhất định. Các làng quê khác nhau có lễ hội khác nhau. Lễ hội cũng mang tính tộc người rất rõ. Các dân tộc khác nhau sẽ có lễ hội khác nhau.
- Tất cả lễ hội đều hướng về 1 nhân vật trung tâm: nhân thần hay thần tự nhiên ; thần hoàng làng , nam thần hay nữ thần cùng các Mẫu ,...

### - **Lễ hội có 2 bộ phận: Lễ và hội .**

- Lễ là các nghi thức để thực thi, thường có sự giống nhau giữa các lễ hội.

VD: khi nào dâng rượu, dâng trà, dâng oản quả ,... . Tuy vậy cũng có sự khác nhau giữa các vùng.

- Hội là phần khác nhau giữa các lễ hội. Thành tố đáng chú ý là “trò diễn“. Là hđ mang tính nghi lễ, diễn lại 1 phần hay toàn bộ hđ của cuộc đời nhân vật phụng thờ.

VD: trò diễn Thánh Gióng đánh giặc Ân trong ngày hội Gióng,.. Bao giờ cũng đi theo trình tự: điểm bắt đầu là điểm rước đi là đình làng, điểm kết thúc đám rước là nghề, miếu và ngc lại.

- Cùng các trò diễn là các trò chơi, thường k mang tính nghi lễ: chọi gà, đấu vật,...

- Cuối cùng là thức cúng trong lễ hội. có 2 loại thức cúng: 1 loại thì phổ biến hầu hết ở các lễ hội như oản, hương, hoa, quả, ... và 1 loại mang tính đặc trưng ở mỗi lễ hội riêng biệt.

VD: món bánh trôi ở hội đền Hát,

- Giá trị của lễ hội chính là giá trị cộng cảm và cộng mệnh. Đây là 1 sinh hoạt tập thể đem lại phần chân cho mọi người trong làng. Nhưng quy định của nghi thức lễ hội tạo cộng cảm của toàn thể cộng đồng, gắn bó chặt chẽ hơn.
- Mặt khác cũng là 1 bảo tàng văn hóa, lưu giữ các giá trị văn hóa, các nét sinh hoạt văn hóa.
- Tuy nhiên trong lễ hội cũng có những yếu tố phản văn hóa mang tính cực đoan cần phải đc loại bỏ để xây dựng nền văn hóa VN đậm đà bản sắc dân tộc.